

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ C  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14A/2020/HNGĐ - ST

Ngày 11/6/2020

"V/v ly hôn giữa chị anh A và chị B"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điền.

**- Các hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Đoàn Văn Chương

2/ Ông Đàm Chí Thân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thùy Dung - Là thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh:** Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị C xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX - ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Đinh Đình A 1980.

Nơi ĐKNKTT: Khu E, phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**\* Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT: Khu E, phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Đinh Đình A trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau vào tháng 8/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu E, phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 3 năm 2013 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau. Gia đình cùng chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai bên sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị B để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đinh Đức H, sinh ngày 19/7/2003 và Đinh Khánh I, sinh ngày 03/9/2011, Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con, anh có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

- Về tài sản chung và vay nợ: Anh A xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày trong bản tự khai và tại phiên tòa: Chị và anh Đinh Đình A kết hôn với nhau vào tháng 8/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh A tại khu E, phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình gặp khó khăn, mặt khác anh A có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên xúc phạm đánh đập chị. Bản thân chị cũng như gia đình hai bên đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh A không tiếp thu sửa chữa, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, hai bên sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Chị B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể khắc phục được chị B đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đinh Đức H, sinh ngày 19/7/2003 và Đinh Khánh I, sinh ngày 03/9/2011, Tòa án giải quyết ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh A phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho hai con mỗi tháng 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và vay nợ: Chị B xác định vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh A và chị B, xong cả hai vẫn giữ nguyên quan điểm về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tòa án

đã lập biên bản về việc hoà giải đoàn tụ không thành làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường G, thị xã C nơi anh A và chị B đăng ký hộ khẩu thường trú, ông Vũ Văn K trưởng khu G và ông Nguyễn Đình L phó chủ tịch UBND phường G, thị xã C cho biết, anh Đinh Đình A và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau vào tháng 8/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu E, phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai bên không hợp nhau bất đồng về quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc, hiện tại mỗi người ở một nơi anh A đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, quan điểm của địa phương nếu hai bên không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Quá trình chung sống vợ chồng anh A, chị B có 02 con chung Đinh Đức H, sinh ngày 19/7/2003 và Đinh Khánh I, sinh ngày 03/9/2011, nếu vợ chồng không về đoàn tụ được đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS là đã chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án như cung cấp đúng và đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án.

3. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Đình A. Xử anh Đinh Đình A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Giao con chung Đinh Đức H, sinh ngày 19/7/2003 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Đinh Khánh I, sinh ngày 03/9/2011 cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đinh Đình A khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị B có địa chỉ khu E, phường G, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh Đinh Đình A và chị Nguyễn Thị B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau. Anh A và chị B sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh A xác định tình cảm giữa anh và chị B không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị B. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy yêu

cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Đinh Đình A với chị Nguyễn Thị B là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân anh A và chị B có 02 con chung Đinh Đức H, sinh ngày 19/7/2003 và Đinh Khánh I, sinh ngày 03/9/2011, anh A và chị B đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa, anh A và chị B thỏa thuận chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh A tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 (*bốn triệu đồng*) kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của các bên, mặt khác để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc sinh hoạt học tập của con chung, sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên anh A phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Đình A.

Tuyên xử :

1. *Về hôn nhân*: Anh Đinh Đình A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung như sau:

Chị Nguyễn Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đinh Đức H, sinh ngày 19/7/2003 và Đinh Khánh I, sinh ngày 03/9/2011. Anh A tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*). Kể từ tháng 7 năm

2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Đinh Đình A phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn anh Duy đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001642 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

4. *Về quyền kháng cáo:* Có mặt các đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TX C;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX C;
- Các đương sự;
- UBND phường G, TX C (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nguyễn Văn Điền***



